TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 315/2021/HSPT
Ngày 21 tháng 7 năm 2021.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Cường

Ông Đặng Kim Nhân

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 351/2021/TLPT-HS ngày 03/6/2021 đối với bị cáo Đặng Thái L và Bùi Thị T, về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy"và "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Do có kháng cáo của bị cáo, đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2021/HS-ST ngày 24/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1599/QĐXXPT-HS ngày 05 tháng 7 năm 2021.

Bị cáo kháng cáo:

1. Đặng Thái L, sinh ngày 09/11/1976 tại Hà Nội; nơi ĐKHKTT: Thành phố Hà Nội; chỗ ở: Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn V (s) và bà Nguyễn Thị T (s); có vợ là Nguyễn Bích T (đã ly hôn); có 01 con chung (sn 2008); gia đình có 03 người con, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 29/08/2014, bị Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999. Ra trại ngày 02/09/2016.

- Tập trung cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng theo Quyết định số: 718/QĐ-UBND ngày 30/03/2010 của UBND quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/9/2019. Có mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo Đặng Thái L***: Ông Bùi Xuân N – Luật sư Công ty Luật TNHH MTV A, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng bào chữa theo chỉ định của Tòa án. Có mặt.

2. Bùi Thị T, sinh ngày 31/10/1978 tại QuảngNinh; nơi ĐKHKTT: Thành phố Hà Nội; chỗ ở: Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Xuân T (s) và bà Vũ Thị T (s); gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất; có chồng Ngô Xuân D (sn:1978); có 03 người (con lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất tên Ngô Bùi Gia H sinh năm 2018).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23/9/2019. Có mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thị T***: Ông Chế Giang S – Luật sư Công ty Luật TNHH MTV N thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng bào chữa theo chỉ định của Tòa án. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào lúc 16 giờ 30 phút ngày 23/09/2019, tại số nhà 29 Đường H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, Đoàn Đặc nhiệm, phòng chống ma túy và tội phạm Miền Trung, Bộ đội biên phòng (Đoàn 2) phối hợp phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng và Công an phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng phát hiện, lập biên bản bắt người quả tang đối với Bùi Thị T và Hoàng Lê Mỹ T1 về hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy.

Tang vật thu giữ của Bùi Thị T:

1. Ký hiệu M01: Gồm 01 (một) gói phía ngoài bọc giấy than màu xanh, lớp thứ hai nilong màu trắng, chiều dài 28cm, ngang 20cm, bên trong có chứa 955 viên nén màu hồng hình lục giác, bên trên mỗi viên nén dập chìm hai chữ P ngược nhau. 07 (bảy) gói phía ngoài bọc giấy kẽm, lớp thứ hai bọc giấy than màu xanh, sau đó gói bằng túi nilong màu trắng, phía ngoài dán băng dán trắng, chiều ngang 7cm, chiều

dài 8,5cm, chiều cao 2,5cm, bên trong chứa các tinh thể màu trắng tổng trọng lượng khoảng 0,8 kg (800 gram).

2. Kí hiệu M02: Gồm 01 (một) gói phía ngoài bọc giấy than màu xanh, lớp thứ hai nilong màu bạc, chiều dài 20 cm, ngang 15cm, bên trong có chứa 433 viên nén màu hồng hình lục giác, bên trên mỗi viên nén dập chìm hai chữ P ngược nhau. 07 (bảy) gói phía ngoài bọc giấy kẽm, lớp thứ hai bọc giấy than màu xanh, sau đó gói bằng túi nilong màu trắng, phía ngoài dán băng dán trắng, chiều ngang 07cm, chiều dài 8,5cm, chiều cao 2,5cm, bên trong chứa các tinh thể màu trắng tổng trọng lượng khoảng 0,8 kg (800 gram).

3. Kí hiệu M03: Gồm 01 (một) gói phía ngoài bọc 03 lớp giấy than màu xanh, lớp thứ hai nilong màu bạc, chiều dài 28cm, ngang 20cm, bên trong có chứa 454 viên nén màu hồng hình lục giác, bên trên mỗi viên nén dập chìm hai chữ P ngược nhau. 06 (sáu) gói phía ngoài bọc giấy kẽm, lớp thứ hai bọc giấy than màu xanh, sau đó gói bằng túi nilong màu trắng, phía ngoài dán băng dán trắng, chiều ngang 07cm, chiều dài 8,5cm, chiều cao 2,5cm, bên trong chứa các tinh thể màu trắng tổng trọng lượng khoảng 0,7 kg (700 gram).

4. Ký hiệu M04: Gồm 01 (một) gói phía ngoài bọc giấy kẽm, 01 lớp giấy than màu xanh, bên trong có 01 (một) găng tay màu sữa, 01 (một) lớp nilong màu trắng bên trong có chứa 165 viên nén màu hồng hình trụ tròn, trên bề mặt các viên nén có dập chìm hai chữ WY. 06 (sáu) gói phía ngoài bọc giấy kẽm, lớp thứ hai bọc giấy than màu xanh, sau đó gói bằng túi nilong màu trắng, phía ngoài dán băng dán trắng, chiều ngang 07cm, chiều dài 8,5cm, chiều cao 2,5cm, bên trong chứa các tinh thể màu trắng tổng trọng lượng khoảng 0,7 kg (700 gram).

5. Ký hiệu M05: Gồm 01 (một) gói phía ngoài bọc giấy than màu xanh, lớp thứ hai nilong màu trắng, chiều dài 16cm, ngang 09cm, bên trong có chứa 525 viên nén màu hồng hình lục giác, bên trên mỗi viên nén dập chìm hai chữ P ngược nhau. 07 (bảy) gói phía ngoài bọc giấy kẽm, lớp thứ hai bọc giấy than màu xanh, sau đó gói bằng túi nilong màu trắng, phía ngoài dán băng dán trắng, chiều ngang 08cm, chiều dài 08cm, chiều cao 2,5cm, bên trong chứa các tinh thể màu trắng tổng trọng lượng khoảng 0,8 kg (800 gram).

6. Ký hiệu M06: Gồm 01 (một) gói phía ngoài bọc giấy than màu xanh, lớp thứ hai nilong màu bạc, chiều dài 20cm, ngang 15cm, bên trong có chứa 455 viên nén màu hồng hình lục giác, bên trên mỗi viên nén dập chìm hai chữ P ngược nhau. 06 (sáu) gói phía ngoài bọc giấy kẽm, lớp thứ hai bọc giấy than màu xanh, sau đó gói bằng túi nilong màu trắng, phía ngoài dán băng dán trắng, chiều ngang 08cm, chiều dài 8cm, chiều cao 2,5cm, bên trong chứa các tinh thể màu trắng tổng trọng lượng khoảng 0,7 kg (700 gram).

Ngoài ra còn thu giữ các tang vật sau:

- 01 (một) ĐTDĐ Nokia 105, màu xanh có gắn sim số: 0365.198.054.

- 01 (một) ĐTDĐ Iphone 6, màu hồng, có gắn sim số: 0978.992.021.

- 200 (Hai trăm) USD.

- Số tiền: 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- 06 (sáu) thùng bìa cát tông kích thước: chiều cao 32cm, chiều rộng 30cm, chiều dài 30cm (kí hiệu International- KS-19S-1; 220v-600W có chữ Thái Lan màu trắng xanh), phía trong có 06 nồi cơm điện ký hiệu từ 01 đến 06, có nắp màu trắng, viền màu ghi, trong có ruột bằng kim loại, loại 1,8 lít và 01 khay nhựa theo nồi màu trắng.

Tang vật thu giữ của Hoàng Lê Mỹ T1:

- 01 (một) xe ô tô màu trắng gắn BKS: 43A- 480.21, nhãn hiệu HUYNDAI, số khung: 41CBKN017400, số máy: G4FGKU193462.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 079410 của xe ô tô BKS: 43A-480.21 (bản sao).

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 079410 của xe ô tô BKS: 43A-480.21 (bản sao có xác nhận bản gốc đang lưu trữ tại ngân hàng Thương mại cổ phần X chi nhánh Đà Nẵng).

- 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ ô tô BKS: 43A-480.21 số: 1448746.

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số: 8876265.

- 01 (một) sổ bảo hành của xe ô tô số khung: 41CBKN017400, số máy: G4FGKU193462.

Xe ô tô BKS: 43A- 480.21 đứng tên chủ sở hữu là Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng V ủy quyền cho ông Đoàn Nguyễn Minh H– Kế toán trưởng kiêm phó Tổng giám đốc đại diện công ty ký hợp đồng với bà Hoàng Lê Mỹ T1 thuê với mục đích hành nghề lái xe taxi Grab. Hiện CQĐT đã trả xe ô tô nói trên cùng các giấy tờ liên quan cho ông H.

Căn cứ hồ sơ tài liệu, chứng cứ thu thập được, lúc 16h30’ ngày 26/09/2019, Đoàn 2 đã phối hợp với Công an Phường H, quận H, thành phố Hà Nội, thi hành lệnh giữ người người trong trường hợp khẩn cấp số:19/LGKC-Đ2, đối với Đặng Thái L.

Khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đặng Thái L tại Phòng 3928, tầng 39, Chung cư HH2A, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Qua khám xét tang vật thu giữ gồm:

- 02 (hai) túi ni long kích thước (16x08)cm và (05x02)cm bên trong có chứa các tinh thể rắn màu trắng ký hiệu A1.

- 01 (một) túi ny long kích thước (04x02)cm bên trong có chứa các tinh thể rắn màu trắng ký hiệu A2.

- 01 (một) ĐTDĐ Iphone màu cam – đen, có gắn sim số: 0366.486.668.

- 01 (một) ĐTDĐ Nokia màu đen trắng, có gắn sim số: 0816.192.986.

- 01 (một) ĐTDĐ Nokia màu xanh đen.

- 01 (một) ví da màu nâu.

- 01 (một) căn cước công dân số: 001076015826 cấp cho Đặng Thái L.

- 01 (một) thẻ ngân hàng BIDV cấp cho Đặng Thái L.

- 7.295đ (Bảy ngàn hai trăm chín mươi lăm đồng) trong tài khoản của Đặng Thái L tại ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV).

- Số tiền: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

- 01 (một) cân tiểu li điện tử màu bạc.

- 02 (hai) thùng giấy carton.

*** Kết luận giám định số: 273/GĐ-MT ngày 27 tháng 09 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, kết luận:**

+ Các viên nén hình lục giác màu hồng ký hiệu M01a, M02a, M03a, M05a, M06a gửi giám định là ma túy, loại MDMA; khối lượng các viên nén: M01a: 370,48 gam; M02a: 167,21 gam; M03a: 175,63 gam; M05a: 203,87 gam; M06a: 176,70 gam. Tổng khối lượng là: **1.093,89 gam**.

+ Các viên nén hình tròn màu hồng ký hiệu M04a và tinh thể màu trắng, ký hiệu M01b, M02b, M03b, M04b, M05b, M06b gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng mẫu viên nén, tinh thể: M04a: 15,837 gam; M01b: 698,70 gam; M02b: 698,80 gam; M03b: 599,93 gam; M04b: 598,69 gam; M05b: 698,98 gam; M06b: 599,73 gam. Tổng khối lượng là: **3.910,667 gam**.

Tổng 02 (hai) loại ma túy có khối lượng là: **5.004,557 gam**.

*** Kết luận giám định số 278/GĐ-MT ngày 01 tháng 10 năm 2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, kết luận:**

- Các hạt tinh thể màu trắng trong trong 02 (hai) túi nilong ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng mẫu: **A1: 1,109 gam**.

- Các hạt tinh thể màu trắng trong 01 (một) túi nilong ký hiệu A2 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng mẫu: **A2: 0,685 gam.**

- Tổng 02 (hai) loại ma túy có khối lượng: **1,794 gam.**

Qua điều tra xác định:

Ngày 17/09/2019, Bùi Thị T cùng Đặng Thái L đi tàu hỏa tuyến Hà Nội vào Đà Nẵng, T lên tàu tại ga Hà Nội, còn L lên tại ga P, tỉnh Hà Nam, cả hai đến Đà Nẵng lúc 14h30 ngày 18/09/2019; Sau đó T và L đến ở tại nhà của Hoàng Lê Mỹ T1 (tại đường N, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng) – T1 là bạn gái của Phạm Anh T2– là bạn của Đặng Thái L. Đến tối ngày 19/09/2019, L nhận được điện thoại của H (người việt làm ăn tại Lào, không rõ lai lịch) nói L đi qua Lào nhận ma túy về cho anh Nguyễn Kim T3 (sinh năm: 1985; HKTT: Hà Nội), L đồng ý.

Khoảng 08h30 ngày 21/09/2019, Đặng Thái L đến nhà xe C (văn phòng tại 29 H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng) đặt vé xe, đi từ Đà Nẵng đến Viêng Chăn, Lào.Khoảng 04h00 ngày 22/09/2019, L đến Viêng Chăn, Lào và nghỉ tại phòng 221, khách sạn C (không rõ địa chỉ cụ thể). Sau đó, L thông báo cho H biết là đã đến nơi. Khoảng 12h00 cùng ngày, đối tượng H có mang đến phòng của L giao 01 (một) ba lô có chứa ma túy, giao xong H về ngay. Sau khi nhận ma túy, L kiểm đếm được 39 (ba mươi chín) gói ma túy đá trọng lượng khoảng 04 (bốn) kg, 03 (ba) gói thuốc lắc, số lượng khoảng 3000 viên. Khoảng 30 phút sau, H điện thoại lại cho L nói lát nữa sẽ có người lái xe túc túc đến đưa cho L một đàn ngựa (ma túy hồng phiến), nói L vận chuyển cùng với số ma túy đã đưa về cho Nguyễn Kim T3. L đồng ý, một lúc sau, có một người lái xe túc túc (không rõ lai lịch) đến gặp L tại trước cổng khách sạn C và đưa cho L 01 (một) gói ma túy hồng phiến, nhận xong L mang lên phòng khách sạn kiểm tra thì có 170 (một trăm bảy mươi) viên, do lo sợ là hàng giả nên L gọi lại cho H là phải thử hàng trước khi mang về, H đồng ý. Đặng Thái L đã lấy ra 05 (năm) viên sử dụng, còn lại 165 (một trăm sáu mươi lăm) viên và xác nhận là ma túy thật.

Sau đó, L tự liên hệ mua 06 (sáu) nồi cơm điện mang về phòng khách sạn, dùng tua vít mở đáy nồi cơm điện ra, rồi chia nhỏ các gói ma túy đá, thuốc lắc cùng 165 viên hồng phiến cất giấu vào trong đáy nồi. Quá trình cất giấu do số lượng khoảng 3000 viên thuốc lắc đựng trong bao nilong quá to, nên L đã liên hệ trao đổi với H để thống nhất chia thành 05 (năm) gói nhỏ cho dễ bỏ vào đáy nồi cơm điện, H

đồng ý. Đặng Thái L gọi điện thoại cho Bùi Thị T nhờ lấy số sim trong điện thoại Nokia màu xanh rồi gửi qua để L ghi số điện thoại người nhận trên hàng hóa.

Sau khi tự tay đóng gói toàn bộ số ma túy trên vào 06 (sáu) nồi cơm điện, L liên hệ với lái xe túc túc (không rõ nhân thân, lai lịch) thuê người này đưa ra bến xe và gửi nhà xe C (xe khách BKS: 43B-052.00) do ông Tạ Ngọc T4– quản lý nhà xe tiếp nhận để vận chuyển về Việt Nam, L đã đưa cho lái xe túc túc 700.000 (Bảy trăm ngàn) kíp Lào để trả phí vận chuyển và tiền công đi gửi. Đến khoảng 16h00ngày 22/09/2019, L ra sân bay đặt vé máy bay từ Viêng Chăn, Lào về Hà Nội, rồi tiếp tục đặt vé máy bay chuyến 06h00 ngày 23/09/2019 từ Hà Nội vào Đà Nẵng. Khoảng 07h30 ngày 23/09/2019, L đến tại sân bay Đà Nẵng. Lúc này, có T, T1 và Phạm Anh T2 ra sân bay Đà Nẵng đón L, rồi về nghỉ tại nhà của T1 tại thành phố Đà Nẵng.

Khoảng 14h30 ngày 23/09/2019, L gọi điện cho nhà xe C và được thông báo là xe đã về đến bến. Sau đó, L nhờ T đi ra nhà xe C nhận giúp L 06 (sáu) nồi cơm điện mang về cho L và nói cho T biết bên trong chứa ma túy, rồi L đưa điện thoại Nokia màu xanh có số điện thoại người nhận ghi trên hàng hóa cho T, dặn T đi nhận phải cẩn thận, T đồng ý. Khoảng 16h00ngày 23/09/2019, T nhờ T1 dùng xe ô tô BKS: 43A-480.21 chở T đến nhà xe C để nhận hàng(ma túy), khi T đã nhận được 02 (hai) nồi cơm điện và tiếp tục vào trong mang các nồi tiếp theo ra thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Toàn bộ số ma túy mà T đi nhận và bắt giữ ngày 23/09/2019 tại văn phòng nhà xe C là của L, L vận chuyển thuê cho Nguyễn Kim T3 từ Lào về Việt Nam với tiền công là 295.000.000 đ (Hai trăm chín mươi lăm triệu đồng). Khi T được L nhờ đi nhận ma túy, biết là vi phạm pháp luật nhưng do tình cảm thân thiết giữa hai người nên đã đồng ý đi nhận ma túy vận chuyển về cho L.

*** Đối với 03 (ba) gói ma túy thu giữ khi khám xét tại nhà L tại phòng 3928, tầng 39, chung cư HH2A, H, H, thành phố Hà Nội:**

Vào khoảng giữa tháng 7/2019 L gọi điện cho Nguyễn Kim T3 bằng chương trình Messenger hỏi mua 02 (hai) gam ma túy đá và 01 (một) gam Ketamine. T3 đồng ý bán và báo giá 800.000đ/02 gam ma túy đá, 1.000.000 đ/01 gam Ketamine rồi hẹn một lát nữa sẽ mang qua nhà L. Khoảng 30 phút sau, có một người đàn em của T3 (chưa xác định nhân thân lai lịch) mang ma túy đến trước nhà chung cư của L, rồi T3 điện thoại cho L xuống dưới sân nhà chung cư giao dịch. Mua xong, L mang lên nhà lấy ra ít để sử dụng, phần còn lại cất giữ trong nhà đến khi bị lực lượng chức năng phát hiện tạm giữ vào ngày 26/09/2019. Mục đích L mua và cất giấu số ma túyMethamphetamine và Ketamine nêu trên là để sử dụng cho bản thân, ngoài ra không còn mục đích nào khác, Bùi Thị T không biết việc L có cất giấu ma túy tại nhà.

Ngoài lần vận chuyển ma túy nêu trên, cùng với phương thức cất giấu ma túy vào nồi cơm điện. Đặng Thái L đã 04 (bốn) lần vận chuyển trái phép chất ma túy từ Lào về Việt Nam cho Nguyễn Kim T3, cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 18/07/2019, L từ Việt Nam đi Lào qua cửa khẩu C, tỉnh Hà Tĩnh để nhận vận chuyển 02 (hai) kg ma túy Ketamine về Việt Nam. L cất giấu trong 03 (ba) nồi cơm điện rồi chuyển đường xe khách (không rõ nhà xe) về Việt Nam nhưng L không đi cùng xe hàng mà đón xe khách khác đi riêng, nhập cảnh về Việt Nam ngày 21/07/2019 thông qua cửa khẩu C. Khi hàng chứa ma túy về thì L nhờ nhà xe chuyển đến chung cư HH2A, phường H, quận H, Hà Nội, rồi T3 sẽ cho đàn em (không rõ lai lịch) đến gặp L để nhận hàng. T3 đã trả công cho L: 140.000.000 đ (Một trăm bốn mươi triệu). Trong đó, T3 dùng tài khoản của T3 số 19034042423011 (Ngân hàng T Bank) chuyển qua tài khoản của L số: 26810000219852 (Ngân hàng T Bank) 102.000.000đ (Một trăm lẻ hai triệu) vào ngày 24/07/2019, số tiền còn lại thì T3 trả bằng tiền mặt.

Lần 2: Vào ngày 19/08/2019, L từ Việt Nam qua Lào bằng hàng không (cửa khẩu sân bay quốc tế N) để nhận vận chuyển 03 (ba) kg ma túy Ketamine về Việt Nam. L cất giấu trong 04 (bốn) nồi cơm điện rồi chuyển đường xe khách (không rõ nhà xe) về Việt Nam. Đến ngày 21/08/2019, L nhập cảnh về Việt Nam thông qua cửa khẩu sân bay quốc tế N. Khi hàng chứa ma túy về thì L nhờ nhà xe chuyển đến chung cư HH2A, phường H, quận H, Hà Nội, rồi T3 sẽ cho sẽ cho đàn em (không rõ lai lịch) đến gặp L để nhận hàng. T3 đã trả công chuyến này cho L 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu). Trong đó, T3 dùng tài khoản của Vy Thị Ly số 19033702580011 (Ngân hàng T Bank) chuyển qua tài khoản của L số 26810000219852 số tiền140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu) vào ngày 22/08/2019, số tiền còn lại thì T3 trả bằng tiền mặt.

Lần 3: Vào ngày 26/08/2019, L từ Việt Nam xuất cảnh qua Lào bằng hàng không (Cửa khẩu sân bay quốc tế N) để nhận vận chuyển 1,9kg ma túy Ketamine về Việt Nam. L cất giấu trong 03 (ba) nồi cơm điện rồi chuyển đường xe khách (không rõ nhà xe) về Việt Nam. Đến ngày 27/08/2019, L nhập cảnh về Việt Nam thông qua cửa khẩu sân bay quốc tế N. Khi hàng chứa ma túy về thì L nhờ nhà xe chuyển đến chung cư HH2A, phường H, quận H, Hà Nội, rồi T3 sẽ cho sẽ cho đàn em (không rõ lai lịch) đến gặp L để nhận hàng. T3 đã trả công chuyến này cho Long140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu). Trong đó, T3 dùng tài khoản của T3 số 19034042423011 chuyển qua tài khoản của L số 26810000219852 số tiền 118.000.000đ (Một trăm mười tám triệu) vào ngày 30/08/2019, số tiền còn lại thì T3 trả bằng tiền mặt.

Lần 4: Vào ngày 15/09/2019, L xuất cảnh qua Lào bằng hàng không (cửa khẩu sân bay quốc tế N) để nhận vận chuyển 03 (ba) kg ma túy Ketamine về Việt Nam. L cất giấu trong 04 (bốn) nồi cơm điện rồi chuyển đường xe khách (không rõ nhà xe)

về Việt Nam. Đến ngày 17/09/2019, L nhập cảnh về Việt Nam thông qua cửa khẩu sân bay quốc tế N. Khi hàng chứa ma túy về thì L nhờ nhà xe chuyển đến chung cư HH2A, phường H, quận H, Hà Nội, rồi T3 sẽ cho sẽ cho đàn em (không rõ lai lịch) đến gặp L để nhận hàng. T3 đã trả công chuyến này cho L là 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu). Trong đó, T3 dùng tài khoản của Vy Thị Ly số 19033702580011 (Ngân hàng T Bank) chuyển qua tài khoản của L số 26810000219852 số tiền 72.000.000đ (Bảy mươi hai triệu) vào ngày 19/09/2019, số tiền còn lại thì T3 trả bằng tiền mặt.

Tổng số tiền L nhận được từ 04 (bốn) lần vận chuyển ma túy là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng).

Trong quá trình điều tra Đặng Thái L, Bùi Thị T thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy như nội dung trên.

Bùi Thị T đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi là cháu Ngô Bùi Gia Hân (sinh ngày 28/08/2018, Giấy khai sinh số: 221/TLKS-BS ngày 17/06/2020 của Ủy ban nhân dân phường Phúc Xá, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội).

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2021/HSST ngày 24/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

I/. Tuyên bố: Các bị cáo **Đặng Thái L** và **Bùi Thị T** phạm các tội "*Vận chuyển trái phép chất ma túy*" và tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*";

1/ Căn cứ điểm h khoản 4Điều 250; điểm i khoản 1 Điều 249;điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 58; Điều 40 BLHS;

Xử phạt: Bị cáo Đặng Thái L **Tử hình** tù về tội "*Vận chuyển trái phép chất ma túy*" và **02 (Hai) năm** tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Tổng hợp hình phạt chung của cả 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành là **Tử hình**.

- Căn cứ khoản 4 Điều 329 BLTTHS: Tiếp tục tạm giam bị cáo Đặng Thái L để đảm bảo việc thi hành án.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật bị cáo Đặng Thái L có quyền gửi đơn xin Chủ tịch nước ân giảm án tử hình.

2/ Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 2 Điều 40 BLHS;

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Thị T** tù **Chung thân** về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy".Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam 23/9/2019.

Phạt bổ sung bị cáo Bùi Thị Thuỷ số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Trong hạn luật định bị cáo Đặng Thái L và Bùi Thị T kháng cáo bản án cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo.

Luật sư bào chữa cho 02 bị cáo đều đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào lúc 16 giờ 30 phút ngày 23/09/2019, tại số nhà 29 Đường H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, Đoàn đặc nhiệm, phòng chống ma túy và tội phạm Miền Trung, Bộ đội biên phòng (Đoàn 2) phối hợp phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng và Công an phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng phát hiện, tiến hành lập biên bản bắt người quả tang đối với Bùi Thị T, về hành vi "Vận chuyển trái phép chất ma túy". Tổng trọng lượng ma túy thu giữ bắt quả tang là: **5.004,557** gam (Trong đó: MDMA: 1.093,89 gam; Methamphetamine: 3.910,667 gam).

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 26/09/2019 tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đặng Thái L tại phòng 3928, tầng 39, chung cư HH2A phường H, quận H, thành phố Hà Nội về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tổng trọng lượng ma túy thu giữ: 1,794 gam (Trong đó: Methamphetamine: 1,109 gam, Ketamine: 0,685 gam).

[2] Qua qúa trình điều tra và lời tự khai nhận của các bị cáo thể hiện; toàn bộ số ma túy mà T đi nhận và bị bắt giữ ngày 23/09/2019 tại văn phòng nhà xe C là của Đặng Thái L, L vận chuyển thuê cho Nguyễn Kim T3 từ Lào về Việt Nam với tiền công là 295.000.000 đ (Hai trăm chín mươi lăm triệu đồng). Khi T được L nhờ đi nhận ma túy, biết là vi phạm pháp luật nhưng do tình cảm thân thiết giữa hai người nên đã đồng ý đi nhận ma túy vận chuyển về cho L.

Với những hành vi trên của bị cáo Đặng Thái L và Bùi Thị T; Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Đặng Thái L về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; Xét xử bị cáo Bùi Thị

T về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo Đặng Thái L và Bùi Thị T thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; Bị cáo L có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về tội "Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma tuý". Trong vụ án này, bị cáo L đóng vai trò chính, một mình bị cáo đã thực hiện hành vi vận chuyển trái phép chất ma tuý cho đối tượng Nguyễn Kim T3 trót lọt 4 lần với khối lượng rất lớn gần 10 kg ma tuý, thu nhập bất chính 700.000.000đ và lần thứ 5 thì bị bắt với khối lượng ma tuý là **5.004,557** gam.Bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp "Phạm tội từ 2 lần trở lên" là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết, tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng để xử phạt bị cáo mức án cao nhất là Tử hình xét thấy là có căn cứ đúng với quy định của pháp luật, tại cấp phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới cần được xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng, do vậy đơn kháng cáo của bị cáo không có căn cứ chấp nhận.

Đối với bị cáo Bùi Thị Thuỷ tham gia vụ án với vai trò đồng phạm giúp sức, mặc dù bị cáo biết rõ L nhờ mình đi nhận ma tuý nhưng vẫn tích cực thực hiện. Khối lượng ma tuý bị cáo phạm tội là rất lớn **5.004,557** gam.Bản án sơ thẩm đã đánh giá vai trò của bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo mức án tù chung thân là thỏa đáng và có phần xem xét và chiếu cố cho bị cáo, do vậy đơn kháng cáo của bị cáo T cũng không có căn cứ được chấp nhận.

[4] Về án phí: Các bị cáo Đặng Thái L và Bùi Thị T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo **Đặng Thái L** và **Bùi Thị T.**

Giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2021/HS-ST ngày 24/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

I/. Tuyên bố: Bị cáo **Đặng Thái L** phạm các tội "*Vận chuyển trái phép chất ma túy*" và tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*"; Bị cáo **Bùi Thị T** phạm tội "*Vận chuyển trái phép chất ma tú*y".

1/ Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 250; điểm i khoản 1 Điều 249;điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 58; Điều 40 BLHS;

Xử phạt: Bị cáo Đặng Thái L **Tử hình** tù về tội "*Vận chuyển trái phép chất ma túy*" và **02 (Hai) năm** tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Tổng hợp hình phạt chung của cả 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành là **Tử hình**.

- Căn cứ khoản 4 Điều 329 BLTTHS: Tiếp tục tạm giam bị cáo Đặng Thái L để đảm bảo việc thi hành án.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật bị cáo Đặng Thái L có quyền gửi đơn xin Chủ tịch nước ân giảm án tử hình.

2/ Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 2 Điều 40 BLHS;

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Thị T** tù **Chung thân** về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam 23/9/2019.

Phạt bổ sung bị cáo Bùi Thị Thuỷ số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

II/. Về án phí: Các bị cáo Đặng Thái L và Bùi Thị T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí, xử lý vật chứng không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Công an thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo (TTG tống đạt cho bị cáo);
- Người tham gia tố tụng khác;
- UBND phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- UBND phường H, quận H, thành phố Hà Nội (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- UBND phường Phúc Xá, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Mai Xuân Thành